

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
THÀNH PHỐ HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 332/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/4/2024

V/v: Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bạch Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cờ, ông Nguyễn Phan Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thanh Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân quận
Đông Đa, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đông Đa tham gia phiên tòa:** Bà
Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đông Đa
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 899/2023/TLST-
HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 48/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, Quyết
định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Lưu Thị Hải H**, sinh năm 1982; Nơi ĐKKHKT và cư
trú: Tập thể C số x L, phường C, quận Đ, thành phố H.

- **Bị đơn:** **Anh Vũ Tú N**, sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Tập thể C
số x L, phường C, quận Đ, thành phố H.

(Chị à có mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2023 và Bản tự khai, nguyên đơn chị Lưu
Thị Hải H trình bày:*

Về tình cảm: Chị và anh Vũ Tú N đăng ký kết hôn ngày 13/02/2006 tại Ủy
ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh H (nay là TP H) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.
Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm
thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do cách nuôi
dạy con và do kinh tế. Các đây khoảng 02 năm, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên
hai bên không còn quan tâm đến nhau. Do các con còn nhỏ nên chị cố gắng hàn gắn
nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị
đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Vũ Tú N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung.

- Cháu Vũ Lưu Khánh N, sinh ngày 13/12/2007.

- Cháu Vũ Lưu Minh C, sinh ngày 16/6/2014.

Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả hai con chung; Phần cấp dưỡng nuôi
con chị sẽ tự thỏa thuận với anh N, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về điều kiện tài chính và chỗ ở: Hiện tại chị đang công tác tại Chi nhánh H (là Giám đốc) thu nhập ổn định hàng tháng là 60.000.000 đồng; Về chỗ ở: Nhà tại địa chỉ Tập thể C số x L, phường C, quận Đ, thành phố H là của bố mẹ đẻ chị cho chị trước khi kết hôn với anh N nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Sau khi kết hôn vợ chồng về nhà này ở cho đến nay. Năm 2015, vợ chồng có tu sửa, cải tạo và mua một số đồ dùng nội thất khoảng 300.000.000 đồng.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị và anh N có tài sản chung là phần sửa chữa, cải tạo và mua một số đồ nội thất. Ngoài ra vợ chồng có 01 ô tô và một số đồ dùng sinh hoạt. Khi ly hôn phần tài sản chung chị tự thỏa thuận với anh N và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh N không có khoản vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú đối với bị đơn anh Vũ Tú N để anh N thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự nhưng anh N đều vắng mặt. Anh N không có quan điểm tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, không có mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị H giữ nguyên các yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn anh Vũ Tú N. Nguyên đơn chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung vụ án:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; Cho chị H được ly hôn với anh Vũ Tú N.

Về con chung: Chị H, anh N có 02 con chung là cháu Vũ Lưu Khánh N, sinh ngày 13/12/2007; Cháu Vũ Lưu Minh C, sinh ngày 16/6/2014. Xem xét điều kiện nuôi con, nguyện vọng của chị H và ý kiến của các con, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng chị H tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không xét.

Về tài sản: Chị H và anh N có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về công nợ chung: Chị trình bày không có công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Anh N không có văn bản ý kiến, không có mặt tại phiên tòa nên giành quyền khởi kiện cho anh N về phần công nợ chung khi anh N có yêu cầu và có căn cứ chứng minh vợ chồng có khoản vay nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về án phí: Nguyên đơn chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, bị đơn là anh Vũ Tú N có ĐKKHTT và cư trú tại địa chỉ Nơi ĐKKHTT và cư trú: Tập thể C số L, phường C, quận Đ, thành phố H, nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn anh Vũ Tú N để anh N thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự tại Tòa nhưng anh N đều vắng mặt. Tại phiên tòa anh N vắng mặt lần thứ 2, không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Vũ Tú N.

Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Thị Hải H và anh Vũ Tú N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh H (nay là TP H). Xác định hôn nhân giữa chị H và anh N là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh N (vắng mặt không lý do) nên anh N không có quan điểm tự khai là tự từ bỏ quyền lợi của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập được xác định: Giữa chị H và anh N có mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng không thể khắc phục được. Như vậy thấy, hôn nhân giữa chị H và anh N không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn đoàn tụ là khó nên việc chị H xin ly hôn anh N là có căn cứ và được chấp nhận.

- *Về con chung:* Chị H, anh N có 02 con chung là cháu Vũ Lưu Khánh N, sinh ngày 13/12/2007; Cháu Vũ Lưu Minh C, sinh ngày 16/6/2014. Xem xét điều kiện nuôi con, nguyện vọng của chị H và ý kiến của các con. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận nguyện vọng của chị H, khi ly hôn cần giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp. Về phần cấp dưỡng chị H không đề nghị giải quyết nên không xét.

- *Về tài sản chung:* Nguyên đơn chị Lưu Thị Hải H xác định giữa chị và anh N có tài sản chung, nhưng hai bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về công nợ chung: Chị Lưu Thị Hải H trình bày vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Song, đối với bị đơn anh N: Quá trình giải quyết vụ án anh N không có quan điểm tự khai, không có mặt tại phiên tòa nên giành quyền khởi kiện cho anh N về phần công nợ chung khi anh N có yêu cầu và có căn cứ chứng minh vợ chồng có công nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác;

- *Về án phí:* Chị Lưu Thị Hải H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị Hải H.

Cho chị Lưu Thị Hải H được ly hôn với anh Vũ Tú N.

- *Về con chung*: Chị Lưu Thị Hải H và anh Vũ Tú N có 02 con chung, cháu Vũ Lưu Khánh N, sinh ngày 13/12/2007 và cháu Vũ Lưu Minh C, sinh ngày 16/6/2014. Khi ly hôn giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng nuôi con chị H tự thỏa thuận với anh N không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Anh Vũ Tú N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản chung*: Chị Lưu Thị Hải H xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về công nợ chung*: Chị Lưu Thị Hải H xác định không có công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Giành quyền khởi kiện cho anh Vũ Tú N về phần công nợ chung khi anh N có yêu cầu và có căn cứ chứng minh vợ chồng có công nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. *Về án phí*: Chị Lưu Thị Hải H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002702 ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ. Nay chuyển thành án phí, chị H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Lưu Thị Hải H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Vũ Tú N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND quận Đ;
- THA quận Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện P, thành phố H;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG THỊ BẠCH PHƯƠNG